

Số: 3154/QĐ-UBND

Tân Châu, ngày 19 tháng 4 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn,  
xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông báo số 3708/TB-SXD ngày 29/8/2021 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc hướng dẫn trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực quy hoạch vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch xây dựng các khu chức năng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây Dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, kèm theo quyết định này là "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng" mã số QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 14/05/2021 của UBND tỉnh An Giang về quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư

Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND thị xã Tân Châu về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu;

Căn cứ Công văn số 1001/SXD-QH ngày 01/4/2022 của của Sở Xây dựng về thỏa thuận Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu;

Căn cứ Kết quả thẩm định số 436/KQTD-QLĐT ngày 08/4/2022 của Phòng Quản lý đô thị thị xã Tân Châu về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu;

Xét Tờ trình số 437/TTr-QLĐT ngày 08/4/2022 của phòng Quản lý đô thị.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn.

**2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH sản xuất giống cá tra Vĩnh Hoàn.

**3. Phạm vi ranh giới quy hoạch:** Khu đất Quy hoạch dự án thuộc cù lao Vĩnh Hòa, ấp Vĩnh Bường, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Có tứ cận:

- Phía Đông: Giáp đất bãi bồi Sông Tiền giáp ranh Tỉnh Đồng Tháp
- Phía Tây: dự án thuộc Công ty TNHH Nguyên Phương quản lý và của công ty TNHH Sản Xuất Giống Cá Tra Vĩnh Hoàn.
- Phía Nam: Giáp đất do UBND xã Vĩnh Hòa quản lý.
- Phía Bắc: Sông Tiền ranh tỉnh Đồng Tháp.

**4. Quy mô:** Khu đất có diện tích : **439.288,8 m<sup>2</sup>** (khoảng 43,92 ha).

**4.1 Quy mô dân số:** Dự kiến khi dự án đi vào hoạt động số nhân sự thường xuyên là 30 người, 120 lao động không thường xuyên. (không bố trí dân cư, chủ yếu là nhân sự và lao động).

### **4.2 Quy sản xuất**

- Cá bố mẹ: 12.000 con/năm (3kg/con);
- Cá tra hậu bị : 1,5 triệu con/năm (1kg/con);
- Cá tra thực nghiệm: 5.300 tấn/năm.

**5. Mục tiêu lập quy hoạch:**

- Cung cấp tạo ra con giống khỏe mạnh, đạt yêu cầu phục vụ nhu cầu nuôi trồng thủy sản.

- Sản xuất giống cá tra 3 cấp (Chọn lọc cá bố mẹ, sản xuất con bột và ương giống trong môi trường được kiểm soát; tiêu thụ ít nhất các nguồn tài nguyên) đảm bảo phù hợp, đạt tiêu chuẩn theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Đề án liên kết sản xuất giống cá tra 03 cấp chất lượng cao vùng ĐBSCL tại An Giang giai đoạn 2018-2025.

- Xây dựng quy trình ương, nuôi với các thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại, đạt tiêu chuẩn an toàn... (Kiểm soát chất lượng môi trường ương, nuôi bằng các sản phẩm sinh học...).

- Tạo việc làm cho lao động tại địa phương và các vùng lân cận, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

**6. Tính chất:** Quy hoạch mang tính chất đặc thù là khu chọn lọc giống cá tra chất lượng cao.

### **7. Quy hoạch sử dụng đất**

Với tổng diện tích lập quy hoạch 439.288,8 m<sup>2</sup> (43,92ha), khu Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn gồm 02 khu có cơ cấu sử dụng đất theo khu A và Khu D, E như sau:

#### **7.1. Khu A: Khu chọn lọc giống cá tra: 96.011,4m<sup>2</sup>**

- Khu ao nuôi: 43.210m<sup>2</sup> (9 ao);
- Khu chứa bùn: 4.391m<sup>2</sup> (4 ao);
- Khu ao xử lý nước thải: 9.783m<sup>2</sup> (2 ao);
- Khu ao nước cấp: 4.317m<sup>2</sup>;
- Khu sản xuất: 3.171m<sup>2</sup> (Nhà điều hành, sản xuất, nhà ở công nhân...).
- Đất cây xanh bờ bao: 27.839,4m<sup>2</sup>;
- Đất giao thông: 3.300m<sup>2</sup>.

#### **7.2. Khu D và E : 343.277,4 m<sup>2</sup>**

- Khu ao nuôi cá thực nghiệm và cá hậu bị: 88.115m<sup>2</sup> (11 ao).
- Khu ao đệm sinh học: 139.953m<sup>2</sup>;
- Khu ao xử lý nước thải: 34.790m<sup>2</sup>;
- Khu chứa bùn: 11.798m<sup>2</sup> (2 ao);
- Công trình phụ trợ: 605m<sup>2</sup>;
- Đất cây xanh bờ bao: 66.256,4m<sup>2</sup>;
- Đất giao thông: 1760m<sup>2</sup>.



## BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN KHU

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
<b>1</b>	<b>ĐẤT AO NUÔI VÀ CẤP NƯỚC</b>	<b>135.642,0</b>	<b>30,88</b>
	Đất ao nuôi (gồm 9 ao) (khu A)	43.210,0	
	Đất ao nuôi (gồm 11 ao) (khu D,E)	88.115,0	
	Đất ao cấp nước (khu A)	4.317,0	
<b>2</b>	<b>ĐẤT AO CHỨA BÙN + ĐỆM SINH HỌC</b>	<b>156.142,0</b>	<b>35,54</b>
	Khu chứa bùn (khu A)	4.391,0	
	Khu ao chứa bùn (khu D, E)	11.798,0	
	Khu ao đệm sinh học (khu D, E)	139.953,0	
<b>3</b>	<b>KHU XLNT</b>	<b>44.573,0</b>	<b>10,15</b>
	Đất xử lý nước thải (khu A)	9.783,0	
	Đất xử lý nước thải (khu D, E)	34.790,0	
<b>4</b>	<b>ĐẤT XÂY DỰNG CT</b>	<b>3.776,0</b>	<b>0,86</b>
	Đất xây dựng công trình (khu A)	3.171,0	
	Đất xây dựng công trình (khu D, E)	605,0	
<b>5</b>	<b>ĐẤT CÂY XANH BỜ AO</b>	<b>94.095,8</b>	<b>21,42</b>
	Đất cây xanh bờ ao (khu A)	27.839,4	
	Đất cây xanh bờ ao (khu D, E)	66.256,4	
<b>6</b>	<b>ĐẤT GIAO THÔNG</b>	<b>5.060,0</b>	<b>1,15</b>
	Đất giao thông (khu A)	3.300,0	
	Đất giao thông (khu D, E)	1.760,0	
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>439.288,8</b>	<b>100,00</b>

### \* Cơ cấu sử dụng đất

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TỶ LỆ
1	ĐẤT AO NUÔI VÀ SẢN XUẤT	135,642.0	30.9
2	ĐẤT XD CÔNG TRÌNH	3,776.0	0.9
3	ĐẤT XỬ LÝ NƯỚC THẢI	200,715.0	45.7
4	ĐẤT CÂY XANH, BỜ BAO	94,095.8	21.4
5	ĐẤT GIAO THÔNG	5,060.0	1.2
	<b>TỔNG</b>	<b>439,288.8</b>	<b>100.0</b>

### 7.3. Phân khu chức năng và tổ chức không gian

#### a. Khu A: Khu chọn lọc giống cá tra: 96.011,4m<sup>2</sup>

- Được thiết kế đào đắp phù hợp với công năng là chọn lọc giống cá bố mẹ. Bên cạnh đó đảm bảo hài hoà về tổng thể kiến trúc cho khu nuôi, tạo nên mỹ quan cho toàn khu.

- Khu chọn lọc giống cá tra được quy hoạch với diện tích khoảng 96.011,4m<sup>2</sup> chiếm 21,9% diện tích toàn khu, được phân chia với 4 khu vực chính đó là:

+ Khu vực ao nuôi : (kí hiệu AN1 và AN2), chiếm diện tích chủ yếu với diện tích 12.689m<sup>2</sup> chiếm 2,66% diện tích toàn khu. Cụ thể:

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )
1	09 ao nuôi cá	43,210.0
2	04 ao chứa bùn	4,391.0
3	02 ao xử lý nước thải	9,783.0
4	Ao nước cấp	4,317.0
5	Khu sản xuất và điều hành	3,171.0
6	Đất cây xanh, bờ ao	27,839.4
7	Đất Giao thông	3,300.0

- Tầng cao: Tối đa 1 tầng.

- Mật độ xây dựng: Tối đa 100%.

**b. Khu sản xuất cá thực nghiệm – Cá hậu bị:**

- Được thiết kế đào đắp phù hợp với công năng và nhu cầu phục vụ nuôi cá hậu bị và cá thực nghiệm. Bên cạnh đó đảm bảo hài hoà về tổng thể kiến trúc cho khu nuôi, tạo nên mỹ quan cho toàn khu. Tổng diện tích: 88.115m<sup>2</sup>.

- Tầng cao: Tối đa 1 tầng.

- Mật độ xây dựng: Tối đa 100%.

**c. Khu đệm sinh học chứa nước thải để xử lý:**

- Được thiết kế đào đắp phù hợp với công năng và nhu cầu phục vụ xử lý nước và đệm sinh học. Bên cạnh đó đảm bảo hài hoà về tổng thể kiến trúc cho khu nuôi, tạo nên mỹ quan cho toàn khu. Cụ thể:

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )
1	Ao đệm sinh học	139,953.0
2	Ao xử lý nước thải	34,790.0
3	02 Ao chứa bùn	11,798.0

- Tầng cao: Tối đa 1 tầng.

- Mật độ xây dựng: Tối đa 100%.

**d. Công trình phụ trợ + Cây xanh+ Giao thông:**

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )
1	Công trình phụ trợ	605.0
2	Đất cây xanh, bờ bao	66,256.4
3	Đất giao thông	1,760.0

- Tầng cao: 1 tầng.

- Mật độ xây dựng: 40%.



## **8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

**8.1. San nền:** Lựa chọn và xác định cao độ xây dựng phù hợp với quy hoạch chung thị xã Tân Châu đã được phê duyệt (tham khảo Quyết định số 56/2020/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về cao độ thiết kế cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang).

### **8.2. Quy hoạch hệ thống giao thông**

- Hệ thống giao thông của dự án chủ yếu phục vụ nội bộ cho khu quy hoạch.
- Tổng diện tích đường đan btct là: 5.060m<sup>2</sup>
- Cao độ thiết kế tim đường nội bộ: +5.75m (hệ CĐQG-HD).
- Các chỉ tiêu kỹ thuật tuyến của hệ thống giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý để phục vụ việc đi lại cho các phương tiện giao thông một cách dễ dàng, thuận tiện. Đồng thời đảm bảo việc thoát nước mặt nhanh chóng, hiệu quả, không bị đọng nước

### **8.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải**

#### **a. Hệ thống thoát nước sản xuất**

Nước thải từ các ao nuôi được thải ra ao xử lý nước thải thông qua hệ thống nhựa Hdpe hoặc PVC ø250 và các hố ga đặt chờ sẵn. Nước thải tại đây được xử lý bằng phương pháp sinh học trước khi thoát ra sông Tiền, thông qua hệ thống cống BTLT ø400, ø600 và có 1 cửa xả có van điều tiết. Nước thải ra đảm bảo giá trị các thông số theo quy định QCVN 02-20:2014/BNNPTNT.

#### **b. Hệ thống thoát nước mưa và sinh hoạt**

- Bố trí hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa.
- Nước mưa khu điều hành sản xuất và các con đường bao quanh dự án được thoát xuống ao và một phần thấm xuống công viên, nước mưa thoát xuống ao xử lý nước thải và được thoát ra sông Tiền.
- Nước thải từ khu điều hành được xử lý qua các bể tự hoại xây dựng theo tiêu chuẩn, từ bể tự hoại được dẫn thoát xuống các ao xử lý nước thải thông qua hệ thống đường ống nhựa PVC ø110 và các hố ga. Tại đây nước thải được xử lý bằng phương pháp sinh học trước khi thoát ra sông Tiền. Nước thải phải được xử lý đáp ứng các yêu cầu giới hạn cho phép về các thông số ô nhiễm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các loại nước thải (đảm bảo các điều kiện theo quy định về môi trường) trước khi xả ra bên ngoài.

### **8.4. Giải pháp vệ sinh môi trường và chất thải rắn**

#### **a. Chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải rắn sinh hoạt phải được tập trung và tập kết trước khi giao cho đơn vị thu gom xử lý, tỷ lệ thu gom  $\geq 90\%$ .

#### **b. Chất thải rắn sản xuất**

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình nuôi như: Bao bì, bọc nylon, máy hỏng... đơn vị sẽ bố trí khu vực riêng (kho tạm) và định kì thu gom hàng tháng.

Chất thải rắn từ quá trình tập kết bán cá sẽ được thu gom và xử lý như chất thải sinh hoạt, và được xử lý ngay trong ngày.

Bùn thải từ các ao lắng vì không chứa thành phần nguy hại sẽ được sử dụng lại gia cố bờ ao.

Bùn thải từ các ao thương phẩm thường chứa các chất hữu cơ, thức ăn thừa,...Phần chất thải từ xi phông đáy ao được cho qua lưới lọc, lượng bùn thải còn lại từ ao nuôi bơm vào các ao chứa bùn, sau đó tách đưa về ao xử lý nước thải. Phần bùn được phơi và rửa mặn qua nước mưa ở điều kiện tự nhiên sau 3 tháng có thể tái sử dụng bón cho cây trồng còn xác cá được xử lý bằng cách sử dụng hóa chất cho phép và tiến hành chôn lấp xử lý.

### 8.5. Quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc

#### a. Nguồn điện và công suất

Nguồn điện lấy từ đường dây trung thế 22Kv hiện hữu tại Công ty TNHH sản xuất giống cá tra Vĩnh Hoàn. Kéo đường dây 22Kv mới về khu dự án và lắp đặt 02 trạm biến áp giàn 22/0.4Kv3P-450KVA cấp điện đến các hạng mục và lắp trạm theo từng triển khai các hạng mục này để tránh biến áp hoạt động không tải.

+ Hệ số công suất trung bình  $\cos \varphi = 0,85$ .

+ Tần số công nghiệp 50 Hz.

#### b. Tính toán công suất

**BẢNG TÍNH NHU CẦU ĐIỆN**

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH	CHỈ TIÊU	NHU CẦU (Kw)
1	Đất ao nuôi và sản xuất	135,642.0	1 w/m <sup>2</sup>	135.6
2	Đất xây dựng công trình	3,776.0	30 w/m <sup>2</sup>	3.8
3	Đất xử lý nước thải	200,715.0	1 w/m <sup>2</sup>	200.7
4	Đất cây xanh bờ ao	94,095.8	1 w/m <sup>2</sup>	94.1
5	Đất giao thông	5,060.0	1 w/m <sup>2</sup>	5.1
	<b>Tổng cộng:</b>	439,288.8		439.3
	Hao hụt dự phòng		15%	65.9
	<b>Tổng công suất:</b>			505.2
	<b>Dung lượng biến áp (KVA)</b>			594.3

*Tính tròn Dung lượng biến áp 600KVA*

\* **Phương án cấp Điện:** Đầu tư mới 2 trạm biến áp trụ thép 3P-22/0,4Kv - 600Kva.

#### c. Hệ thống chiếu sáng

Các tuyến đường nội bộ sử dụng trụ các cần đèn bóng LED cao áp 150W cần dài 2m treo trên trụ điện. Riêng các tuyến đường ao nuôi ta sử dụng đèn trụ bát giác STK bóng led 150W ánh sáng vàng.

**Bảng thống kê khối lượng hệ thống cấp điện, chiếu sáng:**

Stt	Tên Vật tư & Thiết bị	Đơn vị	K.lượng
1	Cáp trung thế 22Kv-3xAsXV95 + AC70	m	181
2	Cáp hạ thế LV ABC4x70mm <sup>2</sup>	m	3043
3	Cáp chiếu sáng LV ABC 3x30mm <sup>2</sup>	m	3043
4	Tủ điều khiển chiếu sáng ngoại vi theo từng khu	Tủ	02
5	Bộ đèn đường cao áp bóng led 150W, ánh sáng vàng	Bộ	72
6	Cần đèn bắt trụ BTLT ống STk D49 cao 2m vươn 1,5m	Bộ	72
7	Trụ điện đơn: (l=8,5m-300Kgf) móng đà cân 1,2m	Trụ	72
8	Trụ điện đơn: (l=14m-900Kgf) móng đà cân 1,5m	Trụ	2
9	Trụ điện đơn: (l=14m-900Kgf) móng bê tông	Trụ	4
10	Bộ tiếp địa hạ thế	Bộ	08
11	Trạm biến áp giàn 3P-22/0,4Kv-250 - 200KVA.	Trạm	02

**d. Hệ thống thông tin liên lạc**

Sử dụng hệ thống hạ tầng của Bưu chính viễn thông của thị xã Tân Châu và các dịch vụ khác như: Cáp truyền hình, điện thoại, Internet. Đường dây hệ thống thông tin liên lạc kết hợp đi chung trên các trụ điện đến từng công trình và sẽ do các nhà cung cấp dịch vụ tự đầu tư và khai thác.

**8.6. Quy hoạch hệ thống cấp nước**

**a. Nguồn nước**

**Cấp nước sản xuất:** Nguồn nước cung cấp cho các ao nuôi được sử dụng từ nước sông Tiền, thông qua trạm bơm (công suất 2000m<sup>3</sup>/h) được bơm vào các ao xử lý nước cấp trước khi đưa vào ao nuôi.

**Cấp nước sinh hoạt:** Nguồn nước cung cấp cho khu điều hành được lấy từ nguồn nước đã qua xử lý ở ao cấp, sau đó qua xử lý trước khi cung cấp cho các hoạt động trong khu điều hành thông qua hệ thống ống nhựa PVC fi49, fi114, fi220.

**b. Tính toán nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt**

**\* Cấp nước sinh hoạt:**

- Các chỉ tiêu công cộng, tưới cây rửa đường và hao hụt 43%.
- Lượng nước cấp sinh hoạt là: 25,74m<sup>3</sup>/ngày

**\* Cấp nước sản xuất:**



- Khu chọn giống cá tra :  $(45.000\text{m}^2 \times 1,8\text{m}) \times 20\% = 16.200 \text{ m}^3/\text{ngđ}$
- Khu sản xuất cá thực nghiệm và cá hậu bị:  $(106.767\text{m}^2 \times 1,8\text{m}) \times 20\% = 38.436 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .
- Khu ao nước cấp :  $(6.068\text{m}^2 \times 1,8\text{m}) \times 20\% = 2.184 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .
- Tổng nhu cầu dùng nước cho sản xuất:  $56.820 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .
- Tổng nhu cầu dùng nước cho toàn khu :  $56.846 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .

### Bảng thống kê khối lượng cấp nước

Stt	Hạng mục	Đ.vị	K. lượng
1	Ống cấp nước Hdpe hoặc Pvc ø225	m	1383
2	Trạm bơm cấp 2	Trạm	02
3	Trạm bơm cấp 1	Trạm	02

### 8.7. Quy hoạch cây xanh

Nhằm tạo không gian cây xanh và đảm bảo diện tích cây xanh cách ly giữa công trình và khu vực lân cận, chủ đầu tư sẽ đầu tư hệ thống cây xanh:

Cây xanh, cảnh quan: Cây xanh được trồng bao quanh khu vực dự án sẽ trồng phân tán các loại cây có tán rộng, thân thẳng, trổ hoa đồng loạt và theo mùa (*Dừa, Bằng lăng, Phượng vĩ...*) tạo nét văn hóa đặc trưng riêng cho dự án, đồng thời đảm bảo cho khu vực cách ly với các công trình lân cận.

**Điều 2:** Ban hành kèm theo Quyết định này là bản Quy định quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**Điều 3:** Giao phòng Quản lý Đô thị cập nhật Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu vào Đồ án quy hoạch chung thị xã Tân Châu để có định hướng quy hoạch kết nối các khu vực cho đồng bộ.

#### **Điều 4: Tổ chức thực hiện::**

1. Công ty TNHH sản xuất giống cá tra Vĩnh Hoàn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa tổ chức công bố Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang để các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan biết thực hiện. Đồng thời hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa tổ chức quản lý xây dựng đúng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án chọn lọc giống cá tra chất lượng cao Vĩnh Hoàn, xã Vĩnh Hòa được duyệt và Quy định quản lý kèm theo Quyết định này.

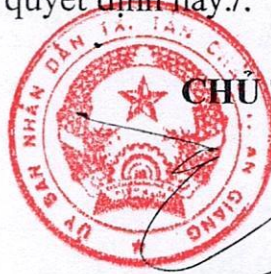
2. Tùy tính chất và loại hình của các hạng mục công trình thuộc dự án mà chủ đầu tư phải thực hiện các thủ tục như: thẩm định thiết kế, môi trường, phòng cháy chữa cháy,... và xin phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã Tân Châu, Trưởng Phòng Quản lý Đô thị, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH sản xuất giống cá tra Vĩnh Hoàn, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hoà, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Lưu: VT, ndang.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Vệ**